



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Pham Van Hanh
Last Middle First

Current Address 36713 P. 9 Q. Tân Bình TP HCM

Date of Birth 1947 Place of Birth Nam Định

Previous Occupation (before 1975) Corporal
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From _____ To _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: *Phạm Văn Haul*

☒ Card

☒ Thờ bố túc, cảm ỏn

☐ Giấy ra trại

☐ Cấp bằng, huy chương

☐ Hồ số đầy đủ (Thờ đủ hồ số)

☒ Computer

- Ớac thủ khác :

☒ Mẫu D

☐ ODP list

☐ Labels

☐ Folder

☐ Hồ số cần xerox

☒ Hồ số đã chuyển ODP
ngay

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI MỘT ĐƠN

PDF IV //

Date :
Ngày : 20-5-1986

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the complete questionnaire to :
Gửi số câu hỏi này tới :

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt : Nếu bạn không đọc hoặc viết sành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.
Orderly Departure Office,
Paukabhum Building
137 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Phạm Văn Hanh Sex : Phái Nam
2. Other name
Số, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi sinh : 1947 Nam Định
4. Residence Address
Địa-chỉ thường trú : 307/3 F9 Q Tân Bình TP Hồ Chí Minh
5. Mailing address
Địa-chỉ tho-tủ : 307/3 F9 Q Tân Bình TP Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Buôn bán

B. Relative To Accompany me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), widowed (W), or Single (S).)

Chú ý : Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).

Name Họ, tên	Date of birth Ngày/tháng/năm sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Giới	Relationship Liên hệ
1. <u>Trần Thị Diệu</u>	<u>1947</u>	<u>Nam Định</u>	<u>Nữ</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>Phạm Thị Hồng Diệu</u>	<u>1968</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ</u>	<u>Con gái</u>
3. <u>Phạm Tiến Đạt</u>	<u>1971</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>	<u>Con trai</u>
4. <u>Phạm Minh Mạnh</u>	<u>1973</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>	<u>Con trai</u>
5. <u>Phạm Thị Mỹ Dung</u>	<u>1975</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ</u>	<u>Con gái</u>
6. <u>Phạm Chí Cường</u>	<u>1984</u>	<u>TP Hồ Chí Minh</u>	<u>Nam</u>	<u>Con trai</u>
7.				
8.				
9.				
10.				
11.				
12.				

(NOTE): For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorced decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú ý: cho mọi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn hoặc chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Ho hàng ở Ngoại Quốc
Of Myself/Của tôi

Of My Spouse/của
vợ/chồng

1. Closet Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name

Họ, tên

: Phạm Văn Hưng

b. Relationship

Liên hệ gia đình

: Con trai

c. Address

Địa chỉ

: 1

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: 1984

2. Closet Relative in Other Foreign Countries

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

: Không

b. Relationship

Liên hệ gia đình

:

c. Address

Địa chỉ

: 4-10

D. Complete Family Listing (Living/Dead) Danh sách toàn thể gia đình
(Sống/chết)

1. Father

Cha

: Phạm Văn Hòa Sống

2. Mother

Mẹ

: Đặng Thị Hòa Chết

3. Spouse

Vợ/chồng

: Phạm Văn Hòa Sống

4. Former Spouse (if any)

Vợ/chồng trước (nếu có)

: Đặng Thị Diên Sống

5. Children

Con cái

- | | | |
|-----|---------------------------|-------------|
| (1) | <u>Phạm Thị Hồng Diên</u> | <u>Sống</u> |
| (2) | <u>Phạm Thị Thanh</u> | <u>Sống</u> |
| (3) | <u>Phạm Minh Mạnh</u> | <u>Sống</u> |
| (4) | <u>Phạm Thị Mỹ Diên</u> | <u>Sống</u> |
| (5) | <u>Phạm Thị Liên</u> | <u>Sống</u> |
| (6) | | |
| (7) | | |
| (8) | | |
| (9) | | |

6. Siblings

Anh chị em

- | | |
|-----|----------------------|
| (1) | <u>Phạm Thị Lan</u> |
| (2) | <u>Phạm Văn Hùng</u> |
| (3) | <u>Phạm Thị Mỹ</u> |
| (4) | <u>Phạm Thị An</u> |
| (5) | |
| (6) | |
| (7) | |
| (8) | |
| (9) | |

1. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của Chính-phủ Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee name
Tên họ nhân viên: Khánh
Position title
Chức-vụ: _____
Agency/company/office
Sở/Hãng/Văn-phòng: _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc: _____

2. Employee name
Tên họ nhân-viên: _____
Position title
Chức-vụ: _____
Agency/company/office
Sở/Hãng/Văn-phòng: _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc: _____

3. Employee name
Tên họ nhân viên: _____
Position title
Chức-vụ: _____
Agency/company/Office
Sở/Hãng/Văn-phòng: _____
Length of employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc: _____

2. Service with GVN or RVNAF by You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng đã công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người, thân gia: Phạm Văn Hạnh
2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 20-10-1969 Đến 4-1975
3. Last Rank
Cấp bậc cuối cùng: Hạ sĩ Serial Number 149/502438
Số thẻ nhân-viên: _____
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/Sở/Đơn vị Binh-chủng: Đoàn Đổ 325 AFR Tại Cần Thơ
5. Name of Supervisor/O.O.
Họ, tên người giám-thị/
Sĩ-quan chỉ-huy: Trung tá Lâm Xuân Phụng

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

Biên cô' 30 4 1975

7. Name of American Advisor(s)
Họ tên cố-vấn Mỹ :

Không nhớ

8. U.S. Training Courses in Vietnam
Chương trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :

Không

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award :

Date received

Họ tên thưởng hoặc giấy khen :

Ngày nhận :

Có Giấy Khen và bằng thưởng từ những bị thất lạc

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes No)

(CHÚ Ý: Xin bạn kẹp theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng-thư nếu có. Đừng sự có không ? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoài nước

1. Name of Student/Trainee :

Họ tên sinh-viên/người được huấn-luyện :

Không

2. School and School Address

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates

From

To

Ngày, tháng, năm

Từ

Đến

4. Description of Course

Mô tả khóa học :

5. Who paid for training ?

Ai đài thọ cho sự huấn-luyện ? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available.

Available ? Yes No)

(CHÚ Ý: Xin bạn kẹp theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không ? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/bạn hoặc vợ/chồng ở học-tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation

Họ tên người đã học tập cải-tạo :

Phạm Văn Hân

2. Time in Reeducation

From

To

Thời gian học tập

Từ

Đến

1975

1976

3. Still in Reeducation?

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải tạo?

Có

Không

Không

(If Release, you must have a copy of your release certificate)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra-trai).

I. Any Additional Remarks ?/ Các chú phụ thuộc

Ông là hàng binh bị bắt đưa đi cải tạo một năm, bị bắt của tổ đưa vào chính phủ hiện tại. Không được là tốt, mọi sự hoạt động và các con tôi sẽ là quả bom đang nổ ở quê nhà. Tôi đã định đi là một đơn vị không thể hợp với chỗ đó, tôi có thể viết.

Signature

Date

Ký tên :

Ngày : 30 5 1986

J. Please List Here All Documents attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kẹp theo với sơ câu hỏi này

- Giấy ra trại
- Khen thưởng của mình
- Hôn thú
- Bằng cấp của con cái và

ODP-B - anh 4x6 mặt ngoài 1 tấm
6/84

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOA BÌNH DƯƠNG

(1) Ngày 24-12-1964

Giấy thế-đi KHAI SANH

cho Phạm-văn-Hạnh

(1) Số 846

Trích-lục văn-kiến thế-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà HGRQ BÌNH DƯƠNG

NTH/5

Một lần chánh giấy thế-vi

KHAI SANH

do Phạm-văn-Hạnh

xin cấp đã được

O Đặng-hữu-Thụ

Chánh-Án Toà HGRQ BÌNH DƯƠNG

với tư cách Thêm-Thứn Hoà-Giải, lập ngày 24-12-1964

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Nguyễn-văn-Cát; Nguyễn-văn-Học, Nguyễn-văn-Lộc

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

- Phạm-văn-Hạnh (nam)

sinh ngày 1-8-1947 tại xã Vụ-Bản tỉnh Nam-Định

(Bắc-Phân), con của Phạm-hữu-Hòa và Đặng-thị-Hồi.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Bình-Dương, ngày 11 tháng 8 năm 1964

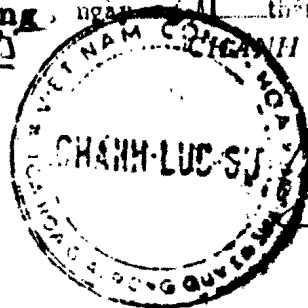
Lệ phí: 5000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Phòng 09

tháng 2 năm 1964

TÀ LƯU VÀ PHƯƠNG



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

XÃ TÂN-SƠN-HÒA

BẢN TRÍCH - LỤC

BỘ HÔN-THÚ

(BẮC NHẤT)

Năm : 1967

Số hiệu : 287

Người chồng : Tên họ	PHẠM-VAN-HANH
Sinh tại :	Xã Vạn-Anh, Nam-Linh (B.V.)
Sinh ngày :	Ngày một, tháng tám dương-lịch, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy. ngày 01-8-1947 dl.
Cha chồng : Tên họ, Số chứng phôi phối	PHẠM-HỮU-HOÀ (s)
Mẹ chồng : Tên họ, Số chứng phôi phối	ĐANG-THỊ-HOÀI (s)
Người vợ : Tên họ	TRẦN-THỊ-ĐIỀU
Vợ (chánh hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sinh tại :	Làng Xuân-Hàng, Nam-Linh.
Sinh ngày :	Ngày Bảy, tháng hai dương-lịch, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy.
Cha vợ : Tên họ, Số chứng phôi phối	TRẦN-XUÂN-MỘC (s)
Mẹ vợ : Tên họ, Số chứng phôi phối	TRẦN-THỊ-NGUYỄN (s)
Ngày cưới :	Ngày 6 tháng 10 DL năm 1967

1/ TRẦN-VAN-HÙNG KS, số 9069
sinh ngày 21 tháng 10 năm
1966 tại quận Nhì, Sài-Gòn
xin đổi lại họ là PHẠM-
VĂN-HÙNG.

Chứng thật chữ ký bên dưới là của Ông Ủy-viên

Hộ tịch Xã TÂN-SƠN-HÒA
TÂN-BÌNH, ngày tháng năm 19



Trích y bản chánh :

BTL/HT

TÂN-SƠN-HÒA, ngày 18 tháng 10 năm 1967
CHỨC TÀI CHÍNH VIÊN HỘ-TỊCH.

Ủy Ban Nhân Dân Cách mạng
Tỉnh Côn Đảo
Ban Dân Vận

Cộng-Hòa Miền Nam Việt Nam
Lộc Lộ Dân Chủ Hòa Bình Trung Lập

QUỐC LỘ 0101 - 0101

Giúp đỡ Ban Dân Vận Tỉnh Côn Đảo
(xin thông qua Ty An Ninh Côn Đảo)



Chúng nhận anh Phạm Văn Hân
là binh sĩ đã ngủ ở lại Côn Đảo, về quê khá không rõ lắm
nhưng từ ngày ta giải phóng Côn Đảo đến nay.

Anh có học tập chỉ tạo hai lần và giáo dục thường
xuyên thấy có chuyên kiến mới, thể hiện lao động tốt và
có tập trung lao động xây dựng chung, thời gian hai tháng.

Ban Dân Vận cũng thật cảm ơn anh về địa phương
có sự hiệp-diem, mau một giúp đỡ anh.

Côn Đảo, ngày 16 tháng 12 năm 75
TH. Trưởng trực

Chứng thật:

Ngày 16 tháng 12 năm 75

Ty An Ninh Côn Đảo

INH

Hân - Vít

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

SỞ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOA Biên-Hòa

(1) Ngày 31/3/1960

Giấy thế-vi khai sanh

cho Trần-thị-Điều

(1) Số I467

Trích-lục văn-kiên thế-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà Sơ-Thẩm Biên-Hòa

R/5

Một bản chánh giấy thế-vi khai sanh

do Trần-thị-Điều xin cấp đã được

ở Diệp-quan-Hồng Chánh-Án Toà Biên-Hòa

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 31/3/1960

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

Trần - thị - Điều

- sanh ngày mùng bảy, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bốn mươi bảy (7/2/1947),
- tại làng Xuân-Bảng tỉnh Nam-Dịnh,
- và là con của Trần-xuân-Mộc và Trần-thị-Ngươi(s)./-

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Biên-Hòa, ngày 23 tháng 8 năm 1967

CHÁNH LỤC-SỰ

Lệ-phí: 50

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

BL. 724I



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/79

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên			Nam, nữ
Sinh ngày			
tháng, năm			
Nơi sinh			
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)			
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKKK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm 198

TM/UBND ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày tháng năm 198

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ĐANG VĂN PHƯƠNG

ĐANG VĂN PHƯƠNG



* Thành phố, Tỉnh _____



BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Quyền số 3/1972-13

[illegible]

Họ và tên	PHẠM THỊ HỊ DUNG		Nam, nữ	NỮ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 13 tháng 3 năm 1979			
Nơi sinh	Tân Sơn Hòa			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	PHẠM VĂN HẠNH 1947		TRẦN THỊ NGUYỄN 1947	
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	Việt Nam			
Nghề nghiệp	Tân gia		nơi trú	
Nơi ĐKNK thường trú	307/3 Phường 09 Quận Tân Bình			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Phạm Văn Hạnh			

TM

ký tên đóng dấu
và Phòng



THE TROUBLE

Đăng ký ngày 08 tháng 11 năm 85
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

by whom the ky were TB
(di ky)
Nguyễn Thái sử

MAU HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận **TE**

Thành phố, Tỉnh _____ HCM

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

S# 162,1985

Quyền số 2/ĐKMB

[illegible]

Họ và tên	PHẠM VĂN HẠNH QUẬN TÂN BÌNH		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 14 tháng 0 năm 1973			
Nơi sinh	Tân Sơn Hòa			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	PHẠM VĂN HẠNH 1947		TRẦN THỊ DIỆU 1947	
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	Việt Nam			
Nghề nghiệp	Làm giò		nơi trọ	
Nơi ĐKNK thường trú	307/3 Phường 09 Quận Tân Bình			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Phạm Văn Hạnh			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 11 năm 1955

TH/HPND... ký tên đóng dấu

văn Phòng

~~Phan~~ van TRUNG

Đăng ký ngày 8 tháng 11 năm 95

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức

Ủy viên thư lý Quan

(cũ hữ)

Nguyễn Thái Hưng



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc



Ấu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____
Thị xã, Quận TB
Thành phố, Tỉnh HCM

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 54/1984
Quyển số 01/P9

S

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	PHẠM CHÍ CƯỜNG		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	ngày 28 tháng 5 năm 1984			
Nơi sinh	37 phụng sản Quận 1			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	PHẠM VĂN MẠNH 1947		TRẦN THỊ ĐIỀU 1947	
Dân tộc	kinh		nhan	
Quốc tịch	việt		nam	
Nghề nghiệp	1		nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	307A Đường 9 Tân Bình		Tân Bình	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	PHẠM VĂN MẠNH			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 30 tháng 11 năm 1985

TRẦN VĂN TRỌNG

TB ký tên đóng dấu
Trần Văn Trọng

Đăng ký ngày 6 tháng 6 năm 1984
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ủy viên tư lý
đã ký

NGUYỄN THÁI SỬ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
HỆ CĂN-CƯỚC

Số 04971355



Họ Tên

TRẦN THỊ S. HUY

Ngày, tháng, năm sinh

7-2-1947

Quê hương, dân tộc

Trần Văn Lộc

Cha

Trần Thị Ngọc

Chỉ 307/21 ấp Vĩnh-Sinh, TSH

Chỉ vết riêng:

Cao: 1 th 50 H.

Chạm sọc giữa sơn căn.

Nặng: 44 Kg

Chữ ký đương sự:

Tân Bình, ngày 27-4-1970

TRƯỞNG CHI CSQG TÂN BÌNH

NGUYỄN NGỌC THƠ

Nghen trái mặt

Nghen trái trái



TP HỒ CHÍ MINH

GLH. 4

= KINH GỎI 70.200 =

Bà Khúc Minh Thò

Arlington VA 22205-0635

USA



VIA AIR MAIL PAR AVION

UN.

~~Canada~~

ODP.
mẫu D
thủ
card.